

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
Thành phố Hồ Chí Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2022/DSST

Ngày: 24.6.2022.

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trường Sanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Cán bộ tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐST – DS ngày 04.5.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2022/QĐST – DS ngày 30.5.2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài T – sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Trúc M – sinh năm: 1987(vắng mặt).

Địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23.12.2021, bản tự khai và biên bản không tiền hành hòa giải được, nguyên đơn Nguyễn Hoài T trình bày:

Ngày 12.7.2019 do quen biết nên bà Phạm Thị Trúc M có mượn ông Nguyễn Hoài T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để lấy vốn mua bán, bà M hẹn sau một năm trả tiền cho ông, khi đến thời hạn trả nợ bà M không trả nên ông khởi kiện yêu cầu bà M trả cho ông, ngày 20.10.2020 bà M viết giấy cam kết hứa hàng tháng sẽ trả cho ông số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi hết số nợ trên để ông rút đơn khởi kiện, sau khi rút đơn khởi kiện đến nay bà M không giữ lời hứa và không trả cho ông được khoản tiền nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc M thanh toán số tiền nợ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Phạm Thị Trúc M không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn bà Phạm Thị Trúc M, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà M vẫn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Hoài T và bà Phạm Thị Trúc M là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại 79/5F ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn bà Phạm Thị Trúc M không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho bà M nhưng bà M vẫn không có mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoài T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc M trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng một lần, thì hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 12.7.2019 và giấy cam kết ngày 20.10.2020 (viết bằng giấy tay) do nguyên đơn xuất trình thể hiện bà Phạm Thị Trúc M có ký vay tiền của ông Nguyễn Hoài T với nội dung bà Phạm Thị Trúc M xác nhận có nợ ông Nguyễn Hoài T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, thời hạn trả nợ là ngày 12.7.2020 phía dưới biên bản có chữ ký và ghi tên Phạm Thị Trúc Mi. Trong quá trình tố tụng, do bị đơn Phạm Thị Trúc M không đến Tòa để cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ

để chứng minh nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo lời trình bày của nguyên đơn từ ngày ký giấy mượn tiền đến nay bà M không trả được khoản tiền nào. Xét thấy việc bị đơn Phạm Thị Trúc M vi phạm cam kết không trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên có cơ sở để xác định Phạm Thị Trúc M còn nợ ông Nguyễn Hoài T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nên xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoài T yêu cầu bà Phạm Thị Trúc M trả số tiền gốc 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng một lần, thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn bà Phạm Thị Trúc M vắng mặt, không có lời khai, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hoài T:

Buộc bà Phạm Thị Trúc M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoài T số tiền gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, trả một lần. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành án xong nếu bà M chưa thi hành thì hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Trúc M chịu án phí DSST là 1.000.000 (Một triệu đồng). Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoài T số tiền tạm ứng án phí DSST là là 500.000 (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0077401 ngày 12.01.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Trường Sanh